



# BÀN VỀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM TRONG GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN NAY

• ThS. PHAN THỊ NGỌC ANH

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

## Đặt vấn đề

Đặc trưng của giáo dục mầm non (GDMN) là thực hiện đồng thời ba nhiệm vụ không thể tách rời nhau, đó là “việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi”<sup>1</sup> và mỗi lĩnh vực có những cơ sở lí luận tương đối độc lập. Trong lí luận cũng như thực tiễn thực hiện nhiệm vụ GDMN hiện nay đang tồn tại một số khái niệm: “giáo dục đạo đức”, “giáo dục lễ giáo”, “giáo dục kĩ năng sống”, “giáo dục hành vi văn hoá” cho trẻ em mầm non. Tuy nhiên trong công tác chăm sóc giáo dục (CSGD) trẻ, còn có cán bộ quản lí, giáo viên, đặc biệt là cha mẹ trẻ chưa phân biệt rõ những khái niệm này, cũng như mối quan hệ giữa chúng để có thể áp dụng những biện pháp giáo dục thích hợp và hiệu quả. Bài viết này nhằm mục đích phân biệt rõ hơn các khái niệm đó, đặc biệt khái niệm giáo dục kĩ năng sống và giáo dục hành vi văn hoá là hai khái niệm mới và dễ có sự nhầm lẫn.

**1. Giáo dục đạo đức (GD ĐĐ)** là một khái niệm gắn liền với truyền thống giáo dục nước ta, là một trong những nội dung giáo dục toàn diện “đức, trí, thể, mỹ,…” đối với học sinh (HS) các cấp, bậc học, mà nền móng bắt đầu từ GDMN.

GD ĐĐ là những hoạt động GD nhằm hình thành ở HS “những tiêu chuẩn, nguyên tắc được xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội”<sup>2</sup>.

Theo Nguyễn Ánh Tuyết, “Nội dung GD ĐĐ cho trẻ em lứa tuổi Mầm non bao gồm những hệ thống thái độ và hành vi ứng xử đối với con người và cuộc sống xung quanh”, bao gồm:

- Hệ thống thái độ và hành vi ứng xử đối với những người xung quanh: đối với người lớn; đối với bạn cùng tuổi; đối với em bé hơn mình; đối với người tàn tật hay người gặp cảnh ngộ khó khăn;

- Hệ thống thái độ và hành vi ứng xử đối với bản thân: có hành vi văn hoá, vệ sinh; tư thế đứng hoàng, thoải mái; có ý thức và hành vi tự lực trong sinh hoạt hàng ngày;

- Hệ thống thái độ và hành vi ứng xử trong môi trường sống gần gũi xung quanh: đối với thế giới đồ vật; đối với vật nuôi, cây trồng;

Trong mỗi “hệ thống con” nói trên, tác giả đã đề cập đến hàng loạt những hành vi rất cụ thể. “Những hệ thống thái độ, hành vi ứng xử trên đây tựu trung lại là nhằm hình thành ở trẻ những tình cảm đạo đức, những ý niệm ban đầu về cái thiện, cái ác và những hành vi ứng xử đẹp”<sup>3</sup>.

Trong Chương trình CSGD trẻ 1994 cũng như Chương trình CSGD trẻ 2004 đang thực nghiệm và thí điểm ở một số địa phương, nhiệm vụ và nội dung GD ĐĐ được lồng ghép, tích hợp thông qua toàn bộ hoạt động chăm sóc GD trẻ (trong các chủ đề, lĩnh vực giáo dục), không có một “môn” hay một “mặt” GD ĐĐ riêng. Điều đó hoàn toàn đúng, vì ĐĐ phải được hình thành, thể hiện, uốn nắn trong toàn bộ cuộc sống của trẻ.

**2. Giáo dục lễ giáo (GDLG)** là một trong ba chuyên đề do Vụ GDMN đề ra vào năm 1997 và được chỉ đạo triển khai trong cả nước. “Lễ” đối với mỗi cá nhân là những phép tắc phải theo cho đúng khi tiếp xúc với người khác, nhất là đối với người trên”, hay có thể gọi đó là cách ứng xử của một người đối với những người xung quanh theo các chuẩn mực đã được xã hội quy định; Lễ giáo là những điều giáo dục về khuôn phép sống”<sup>4</sup>. Như vậy, GDLG được hiểu là giáo dục những nghi thức, lễ nghĩa, lễ lối theo những yêu cầu, quy định, chuẩn mực xã hội.

Theo Nguyễn Ánh Tuyết, “ Khái niệm “lễ giáo”... chẳng qua chỉ là giáo dục khuôn phép sống, hay nói đúng hơn, đó là giáo dục hành vi

<sup>1</sup> Bộ GD&ĐT, Tìm hiểu Luật Giáo dục 2005. NXB Giáo dục, HN, 2005, tr. 30.

<sup>2</sup> Viện Ngôn ngữ, Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, 1997, tr. 280.

<sup>3</sup> Nguyễn ánh Tuyết, Giáo dục Mầm non - Những vấn đề lí luận và thực tiễn, NXB Đại học Sư phạm, 2004, tr.336 - 339.

<sup>4</sup> Từ điển tiếng Việt-NXB Khoa học xã hội, tr. 541.



ứng xử với mọi người xung quanh theo đúng phép tắc đã được xã hội quy định. "Lễ giáo" ở tuổi mầm non là cụ thể hoá thành cách thưa gửi, vâng dạ, cách chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, là hành vi đối với những người xung quanh sao cho đúng và đẹp"<sup>5</sup>. Như vậy GDLG là giáo dục cách ứng xử, biểu hiện bên ngoài giữa trẻ với những người xung quanh: gia đình, bạn bè...theo những quy ước do xã hội, cộng đồng thừa nhận, phù hợp với lứa tuổi mầm non.

**3. Giáo dục kĩ năng sống (GDKNS)** là vấn đề được đề cập trong giáo dục ở nhiều nước trên thế giới, trong các tài liệu giáo dục của UNESCO vào đầu những năm 1990. Trong cuộc hội thảo "Chất lượng giáo dục và giáo dục kĩ năng sống" (Hà Nội tháng 9 - 2003), khái niệm KNS đã được chính thức đề cập và được bàn thảo. Xã hội hiện đại có sự thay đổi toàn diện về kinh tế, văn hoá, xã hội và lối sống với tốc độ nhanh đã làm nảy sinh những vấn đề mà trước đây con người chưa gặp, chưa trải nghiệm, chưa phải ứng phó, đương đầu. Hoặc có những vấn đề đã xuất hiện trước đây, nhưng nó chưa phức tạp, khó khăn và đầy thách thức như hiện nay. Con người trước đây ít gặp những thách thức, còn bây giờ nếu hành động theo cảm tính thì con người dễ gặp rủi ro. Để con người có thể thành công, chất lượng cuộc sống được đảm bảo thì cần được trang bị KNS. do đó vấn đề KNS nổi lên như một đòi hỏi cấp thiết với triết lí: một nền giáo dục có chất lượng, thì những sản phẩm giáo dục phải được đánh giá là những KNS nói chung, kĩ năng xã hội nói riêng.

Theo Nguyễn Thanh Bình, "KNS được quan niệm là năng lực các nhân thể hiện dưới dạng các hành vi tích cực giúp con người giải quyết một cách có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày"<sup>6</sup>. Kĩ năng xã hội chỉ cách ứng xử của cá nhân có thể tham gia một cách có hiệu quả vào đời sống xã hội ở cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng. Như vậy KNS đòi hỏi một cách tổng hợp các đặc điểm tâm lí cá nhân cũng như đòi hỏi tính chủ thể rất cao của cá nhân.

Theo Mạc Văn Trang và nhiều tác giả: "Khái niệm kĩ năng thường được đặt trong mối tương quan giữa bộ ba khái niệm: kiến thức - thái độ - kĩ năng. Kĩ năng thiên về mặt kĩ thuật của hành

động (trí óc và chân tay), giúp cho con người có thể thực hiện những công việc hay ứng xử trong các mối quan hệ xã hội một cách dễ dàng, hiệu quả"<sup>7</sup>. Khái niệm kĩ năng này hẹp hơn khái niệm KNS, thường được đặt ra ở mục tiêu các bài học nói riêng, trong giảng dạy nói chung.

Theo chúng tôi đối với trẻ em, GDKNS phải kết hợp GD cả hai loại kĩ năng trên, những kĩ năng do yêu cầu của việc học tập và những kĩ năng do yêu cầu của cuộc sống, xem xét những kĩ năng nào được xem là quan trọng, thách thức đối với trẻ đồng thời phải hình thành, rèn luyện cho trẻ những kĩ năng mang tính kĩ thuật (kĩ năng so sánh, phân tích..., kĩ năng tính toán, sử dụng máy tính...) tức là cần chú ý giáo dục ba mặt: những kĩ năng sử dụng các công cụ trong học tập, lao động; những kĩ năng xã hội và những kĩ năng sinh hoạt của bản thân để trẻ tồn tại, tự bảo vệ mình. Đối với trẻ mẫu giáo cần GDKNS về các mặt:

- Biết sử dụng những đồ dùng phục vụ cho sinh hoạt của bản thân: biết tự mình đi vệ sinh, tự rửa tay, rửa mặt; biết giữ vệ sinh chung, biết tránh những nơi không an toàn, biết tránh làm thương tổn đến cây trồng, vật nuôi,...

- Biết chào hỏi, xin phép, xin lỗi, cảm ơn, biết bày tỏ ý kiến và cảm xúc của mình với người khác, biết chơi với bạn, với em bé hơn,...

- Biết sử dụng những phương tiện phục vụ cho hoạt động vui chơi và chuẩn bị học tập; biết cách suy nghĩ và tiến hành thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân và của nhóm trong trò chơi, trong công việc do người lớn giao,...

GDKNS đặc biệt phải coi trọng hướng dẫn, giáo dục những biện pháp kĩ thuật để hình thành kĩ năng cho các em, từ những kỹ năng bình thường hàng ngày trong cuộc sống sinh hoạt đến những kĩ năng trong học tập, vui chơi, trong lao động...

**4. Giáo dục hành vi văn hoá (GD HVVH)** cũng là một nội dung được đề cập trong giáo dục nói chung và GDMN nói riêng trong những năm gần đây. Khái niệm "văn hoá" có nội hàm rất rộng: "Tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử"<sup>8</sup>. Văn hoá gắn liền với cuộc sống và mang bản sắc của các cộng đồng làng xã, vùng miền, dân tộc, xã hội... Ngày nay, để phát

<sup>5</sup> Nguyễn Ánh Tuyết, Kỷ yếu Hội thảo "Lễ giáo với trẻ mầm non", tháng 6-1996.

<sup>6</sup> Nguyễn Thanh Bình, NXB ĐH Sư phạm, 2005, Lí luận giáo dục học Việt Nam, tr.114.

<sup>7</sup> Mạc Văn Trang, Một số vấn đề Tâm lí học dạy nghề, Viện NCPTGD, 1995.

triển lành mạnh, người ta phải gìn giữ phát huy được bản sắc văn hoá dân tộc đồng thời tiếp thu được những tinh hoa văn hoá của nhân loại, thời đại. HVVH bao gồm sự tiếp thu, gìn giữ, truyền thụ, phát triển, hưởng thụ, sáng tạo... các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần làm phong phú bản thân và cộng đồng, xã hội. Hành vi con người xét theo các chuẩn mực văn hoá, có thể được đánh giá là “có văn hoá”, “thiếu văn hoá”, thậm chí “phản văn hoá”,... Các HVVH được thể hiện trong toàn bộ đời sống của con người: trong lời nói, ứng xử, trong hoạt động, giao tiếp, trong tác phong,... Có văn hoá ở gia đình, văn hoá nhà trường, văn hoá nơi công cộng; có văn hoá ứng xử giao tiếp, văn hoá ẩm thực, văn hoá mặc, văn hoá vui chơi, giải trí; có gia đình văn hoá, làng văn hoá, khu dân cư văn hoá...

Theo chúng tôi, đối với trẻ mẫu giáo, mục đích giáo dục HVVH chủ yếu hình thành ở các em những thói quen, nếp sống phù hợp với những chuẩn mực văn hoá tốt đẹp của xã hội, cộng đồng, phù hợp với lứa tuổi trong hành vi tự phục vụ bản thân, như: ăn, mặc, vệ sinh, đi đứng, nói năng,... ; trong hành vi ứng xử với mọi người ở gia đình, nhà trường, nơi công cộng cũng như hành vi ứng xử với các đồ vật, môi trường tự nhiên... Như vậy, hệ thống HVVH cũng nên sắp xếp theo cấu trúc trên.

GD HVVH là việc sử dụng những hình thức, phương pháp, biện pháp thích hợp để hình thành ở người được giáo dục những lời nói, thái độ, hành vi phù hợp với những giá trị, chuẩn mực văn hoá của cộng đồng, xã hội và phù hợp với lứa tuổi mẫu giáo.

Hiện nay, giáo dục HVVH được lồng ghép, tích hợp thông qua một số hoạt động CS GD trẻ (trong các chủ đề, lĩnh vực giáo dục), trong cả hai loại chương trình hiện hành, thể hiện trong các mục tiêu yêu cầu hình thành ở trẻ kĩ năng (hành vi).

### 5. Nhận xét chung:

Bốn khái niệm đều có quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau, trong một số trường hợp cụ thể chúng là biểu hiện của nhau (ví dụ, một em bé biết thân thiện với bạn, giúp bạn trong lúc khó khăn, không bao giờ to tiếng, ầm ĩ với bạn,...).

Chúng đều là những phẩm chất, thành phần, nội dung hết sức quan trọng của nhân cách của con người.

Bốn nội dung giáo dục nói trên đều đề cập đến trong chương trình CSGD mầm non ở nước ta, (nhưng mức độ có khác nhau) chúng được thể hiện lồng ghép, tích hợp trong nội dung hoạt động, trong các lĩnh vực phát triển, thể hiện cụ thể trong các yêu cầu mục tiêu hình thành hành vi (kĩ năng) đối với trẻ; thông qua mức độ tiến bộ của hành vi (kĩ năng) có thể đánh giá sự phát triển của trẻ, như vậy, hành vi được coi như tiêu chí, là đơn vị để đánh giá kết quả GD trẻ nói chung.

Cần phân biệt: “Lễ giáo” chỉ là việc giáo dục những hành vi biểu hiện bên ngoài của đạo đức... luôn gắn liền với việc hình thành những phẩm chất đạo đức của con người, trước hết là lòng nhân ái, thương yêu tôn trọng... con người”, từ đó có cách ứng xử tốt...” Do đó vấn đề “lễ giáo” phải được đặt trong một phạm vi lớn hơn, đó là vấn đề GD ĐĐ”<sup>9</sup>. Như vậy khái niệm LG nằm trong khái niệm ĐĐ, là mặt biểu hiện bên ngoài của ĐĐ. Trong GDMN, GDLG nên được đặt thống nhất trong nội dung GD ĐĐ, coi đó là những giá trị đạo đức truyền thống được chọn lọc và cụ thể hoá thành một số hành vi ứng xử trong gia đình, cộng đồng...

GDKNS và GD ĐĐ có giao nhau nhưng không trùng khớp với nhau. Một HS có thể rất ngoan, rất có “lễ giáo”, tức là có đạo đức, nhưng lại không biết ứng phó với những thách thức, nguy cơ rủi ro, thì cũng không thể có chất lượng cuộc sống. (Ví dụ một HS thành phố không biết sử dụng điện thoại, máy vi tính, không dám đi thang máy, không dám bày tỏ ý kiến riêng của mình với người lớn, v.v... Những cái “không dám”, “không biết” đó thuộc về KNS, cần phải được giáo dục, được luyện tập). KNS theo nghĩa rộng, là tổ hợp nhiều phẩm chất tâm lí tạo nên năng lực cá nhân đồng thời đòi hỏi rất cao sự nỗ lực của chủ thể để có thể đáp ứng thách thức của cuộc sống, trong KNS có những kĩ năng riêng và nhiều kĩ năng xã hội được lồng ghép trong GD ĐĐ. Kĩ năng ở nghĩa hẹp hơn, mang nhiều tính kĩ thuật nhấn mạnh yêu cầu rèn luyện hình thành.

<sup>8</sup> Viện Ngôn ngữ, Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, 1997, tr.1062.

<sup>9</sup> Nguyễn Ánh Tuyết, SDD, tr.334.



Về quan hệ giữa văn hoá và đạo đức, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng: Văn hoá là nền tảng của đạo đức, là biểu hiện của đạo đức. Cốt lõi giá trị nhân cách của mỗi con người là giá trị đạo đức; Người có đạo đức thường là người có văn hoá, thể hiện trong cách ứng xử, cách cư xử trong mối quan hệ bản thân với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, trong hoạt động (công việc, học tập, lao động, trong giao tiếp...), sự vật và bản thân mình. Như vậy, khái niệm văn hoá rộng hơn khái niệm đạo đức.

Theo nghĩa rộng HVVH có phạm vi rộng hơn cả, tích hợp trong nó cả KNS và các chuẩn mực đạo đức và đương nhiên cả LG. Chẳng hạn một người chọn thực phẩm cho bữa ăn hợp lí, đủ dinh dưỡng, an toàn (có KNS), sử dụng thực phẩm và năng lượng tiết kiệm (có đạo đức), nhưng nấu ăn, bày biện thức ăn và ăn uống theo cách riêng của mình (hoặc theo gia đình, địa phương mình, dân tộc mình), đó là văn hoá ẩm thực độc đáo của người đó...

Theo nghĩa hẹp, HVVH chủ yếu đề cập đến những biểu hiện cụ thể của nếp sống, thói quen, cách đi đứng, ăn, mặc, nói năng, giao tiếp, ứng xử... trong các mối quan hệ với con người, với xã hội và môi trường tự nhiên phù hợp với những giá trị, chuẩn mực văn hoá của xã hội. Lúc này HVVH cũng có điểm trùng với KNS, ĐĐ (nhưng nếu nhấn mạnh về kĩ thuật rèn luyện để tạo ra những sản phẩm cụ thể, biểu hiện ra bên ngoài của nhân cách, thì giáo dục HVVH như là giáo dục kĩ năng).

Tóm lại: Mặc dù có những điểm khác nhau trong bốn khái niệm trên, song các nhà giáo dục đều phải quán triệt rằng:

Về lí luận GD, muốn có thái độ và hành vi đúng, trẻ em phải được cung cấp những hiểu biết về các mẫu hành vi, có thái độ rung cảm tích cực về ý nghĩa, giá trị của hành vi và được luyện tập để có kĩ năng ứng xử phù hợp, tự nhiên...

Cơ sở tâm lí học của GD ĐĐ là hình thành ở trẻ niềm tin đạo đức, tình cảm đạo đức và thói quen hành vi đạo đức. Nếu có được niềm tin vào điều thiện, tình cảm yêu mến cái thiện, cái tốt, cái đẹp cũng như những thói quen hành vi ứng xử đúng đắn, thì có thể trở thành những nét tính cách và những thuộc tính nhân cách của con

người, như vậy, đạo đức, lễ giáo mới bền vững.

Để cung cấp kiến thức chủ yếu phải tiến hành hoạt động dạy học; để hình thành thái độ, chủ yếu bằng con đường giáo dục (nghĩa hẹp); để có được kĩ năng, nhất thiết phải bằng con đường luyện tập. Tất nhiên sự phân biệt này chỉ là tương đối, nhưng cần rõ về cơ sở tâm lí học và lí luận giáo dục

Một vấn đề lí luận cần lưu ý là: Dù GD ĐĐ, GD lễ giáo, GDKNS hay GDHVH đều phải tổ chức các hình thức hoạt động và giao tiếp một cách sinh động, phù hợp, để trẻ tham gia với tư cách là chủ thể tích cực lĩnh hội những nội dung giáo dục đó. Quá trình "chơi mà học" cần làm cho trẻ hiểu được cách thức, lợi ích của hành vi, vui thích, sung sướng khi làm đúng, làm tốt, được mọi người hài lòng... Nghĩa là phải làm cho việc thực hiện những hành vi, biểu thị thái độ bên ngoài của trẻ gắn liền với sự hình thành nhận thức, xúc cảm, cơ chế tâm lí điều chỉnh bên trong. Đó chính là quá trình hình thành "những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một"<sup>10</sup>. Như vậy, khi sử dụng các cách thức, biện pháp giáo dục, cần phân biệt một cách tinh tế các khái niệm cũng như cần phải hiểu được cơ sở tâm lí của các biện pháp đó.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm (chủ biên), *Giáo dục học mầm non*, tập II, NXB Giáo dục, 2002.
2. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên), *Lí luận giáo dục học VN*, NXB Đại học Sư phạm, 2005.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tim hiểu Luật Giáo dục 2005*, NXB Giáo dục, 2005.
4. Nguyễn Ánh Tuyết, *GDMN - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, 2004.
5. Mạc Văn Trang, *Một số vấn đề Tâm lí học dạy nghề*, Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, 1995.

#### SUMMARY

*The author presents such concepts as moral education, manner education and life skills education and cultured behaviour education in the existing early childhood education of our country.*

<sup>10</sup> Bộ GD &ĐT, *Tim hiểu luật Giáo dục* NXB Giáo dục, tr.30